

Số: 441/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 23 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; Nơi cư trú: Thôn 02, xã L, huyện T, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đỗ Hữu M; Nơi cư trú: Thôn 02, xã L, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu M thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu M thống nhất thỏa thuận: Anh Đỗ Hữu M trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Hữu P, sinh ngày 03/3/2009, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; con chung tên Đỗ Phương L,

sinh ngày 15/12/2000 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Hữu M thống nhất thỏa thuận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N nhận nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000890 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Nguyễn Thị N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000890, ngày 13 tháng 5 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, thành phố H (Giấy CNKH số 24 đk ngày 14/6/2000);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Mến